

Số: **88** /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **21** tháng 01 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 là người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương theo quy định tại điểm 4 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP và điểm b, mục 1 Nghị quyết số 126/NQ-CP; đối tượng là người lao động theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc và thuộc đối tượng phải cách ly y tế theo quy định tại điểm 5, mục II, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và điểm c, mục 1, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ đối với thành phố Yên Bái, đợt 29 năm 2021

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

*Căn cứ Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;*

*Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thành lập Tổ thường trực rà soát, kiểm tra hồ sơ thẩm định đối tượng và kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Theo đề nghị của Tổ thường trực rà soát, kiểm tra tại Tờ trình số 93/TTr-TTTRS ngày 18/01/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 là người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương theo quy định tại điểm 4,7 mục II; người điều trị do nhiễm Covid-19 (F0) quy định tại điểm 8 mục II; Hộ kinh doanh quy định tại điểm 10, mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đối với thành phố Yên Bái đợt 29 năm 2021, cụ thể như sau:

1. Đối tượng, mức hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ

a) Đối tượng theo quy định tại điểm 4, Mục II Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và điểm b, mục 1, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ:

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động từ 15 ngày liên tục trở lên tính từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương tính từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 và thuộc một trong các trường hợp sau: phải điều trị COVID-19, cách ly y tế, trong các khu vực bị phong tỏa, không thể đến địa điểm làm việc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 được hỗ trợ một lần.

- Số lượng đối tượng hỗ trợ: 01 người;

- Mức hỗ trợ đối với người lao động nghỉ việc từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng: 1.855.000 đồng/người;

- Kinh phí hỗ trợ: 1.855.000 đồng.

b) Đối tượng theo quy định tại điểm 5, Mục II, Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và điểm c, mục 1, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ:

- Hỗ trợ người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc vì lý do theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc đối tượng phải cách ly y tế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021; đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi ngừng việc.

- Số lượng đối tượng hỗ trợ: 12 người;

- Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người;

- Kinh phí hỗ trợ: 12.000.000 đồng.

c) Tổng kinh phí hỗ trợ: 13.855.000 đồng (*Mười ba triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

## 2. Nguồn kinh phí:

- Sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách cấp tỉnh năm 2021 đã được giao tại Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (20% kinh phí do địa phương đảm bảo) là 2.771.000 đồng.

- Tạm cấp trước từ ngân sách cấp tỉnh (80% kinh phí do ngân sách trung ương đảm bảo) là 11.084.000 đồng. Số kinh phí tạm cấp được thu hồi về cho ngân sách tỉnh khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung.

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

### 1. Sở Tài chính:

- Cấp kinh phí cho thành phố Yên Bái theo danh sách đối tượng và kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thực hiện thu hồi kinh phí về ngân sách địa phương khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung theo quy định.

- Trên cơ sở danh sách đối tượng và kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, số thực chi trả cho các đối tượng, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Yên Bái tổng hợp quyết toán kinh phí báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, thẩm định làm căn cứ cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ cho địa phương.

2. Kho bạc Nhà nước Yên Bái: Phối hợp với Sở Tài chính xác nhận số kinh phí ngân sách nhà nước thực chi cho các đối tượng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, kiểm tra danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại điểm 4,5 mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và điểm b, c khoản 1 Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ.

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chi trả chính sách hỗ trợ đối với đối tượng theo quy định.

- Chủ trì theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo Tổ thường trực rà soát, kiểm tra để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

#### 4. Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái:

- Căn cứ danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện chi trả ngay cho các đối tượng đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, thống kê, thẩm định và chi trả kinh phí hỗ trợ đúng đối tượng. Trường hợp nếu phát hiện có sai sót, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, đúng chế độ; tổ chức chi trả cho các đối tượng trên địa bàn quản lý đảm bảo kịp thời, chính xác, công khai và đúng quy định.

- Chậm nhất 15 ngày, sau khi kết thúc đợt chi trả, Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *the*

**Nơi nhận:** *the*

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, VX.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Huy Tuấn**



**Phụ lục 01:**

**DANH SÁCH KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG LÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM 4 MỤC II NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP VÀ ĐIỂM B MỤC 1 NGHỊ QUYẾT SỐ 126/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số **88** /QĐ-UBND ngày **21** /01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

1. Tên đơn vị: Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Lào do ông: Đặng Ngọc Long - Giám đốc (người sử dụng lao động).
2. Mã số thuế: 0100105052 - 001
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 04 đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
4. Số điện thoại giao dịch Trường phòng TCHC: 0945.570.063.
5. Số tài khoản: 8702201002937 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Yên Bái.

**II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG**

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Kinh phí hỗ trợ (đồng)
<b>Tổng cộng:</b>										<b>1.855.000</b>
1	Hà Thế Thiện	Trực ban ga Lâm Thao	Không xác định thời hạn	01/01/2015	8206001794	Từ ngày 05/11/2021	dưới 1 tháng (Từ ngày 05/11/2021 đến ngày 30/11/2021)	TK 8702215008710 Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Bắc Yên Bái	025084005361	1.855.000



**Phụ lục 02:**

**DANH SÁCH, KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG LÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ NGỪNG VIỆC  
THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 MỤC II NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP VÀ ĐIỀU C MỤC 1 NGHỊ QUYẾT SỐ 126/NQ-CP  
CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ YÊN BÁI**

(Kèm theo Quyết định số **88** /QĐ-UBND ngày **21**/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

1. Tên đơn vị: Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Lào do ông: Đặng Ngọc Long - Giám đốc (người sử dụng lao động).
2. Mã số thuế: 0100105052 - 001
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 04 đường Trần Hưng Đạo, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
4. Số điện thoại giao dịch Trường phòng TCHC: 0945.570.063.
5. Số tài khoản: 8702201002937 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Bắc Yên Bái.

**II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC**

STT	Họ tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Số tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ
	<b>Tổng cộng:</b>					<b>12.000.000</b>		
1	Trần Thắng	Trưởng ga kiêm Trục ban ga Văn Phú	Không xác định thời hạn	1700001849	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 09/12/2021	1.000.000	060941961	8702215008098 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
2	Nguyễn Mạnh Hải	Trục ban ga Văn Phú	Không xác định thời hạn	1705000622	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 09/12/2021	1.000.000	015080000902	8702215008210 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
3	Hà Công Thành	Trục ban ga Văn Phú	Không xác định thời hạn	1508001427	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 08/12/2021	1.000.000	025085017770	8702215008154 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
4	Nguyễn Quang Tuyển	Trục ban ga Văn Phú	Không xác định thời hạn	1512000833	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 08/12/2021	1.000.000	015091013090	8702215008291 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
5	Hà Ngọc Thiệp	Chuyên viên chính phòng GSKT&ATGTS Cơ quan Chi nhánh	Không xác định thời hạn	0198067593	Từ ngày 17/10/2021 đến ngày 31/10/2021	1.000.000	025068012229	8702205177893 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái



		Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Số CMT/thẻ căn cước công dân	Số tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ
6	Phạm Thành Trung	Trưởng phòng GSKT&ATGTĐS Cơ quan Chi nhánh	Không xác định thời hạn	1703001456	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 08/12/2021	1.000.000	060577111	8702205177914 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
7	Biện Thế Phương	Chuyên viên phòng GSKT&ATGTĐS Cơ quan Chi nhánh	Không xác định thời hạn	1703001454	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 09/12/2021	1.000.000	061011998	8702205177920 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
8	Đặng Ngọc Long	Giám đốc Chi nhánh khai thác Đường sắt Hà Lào	Không xác định thời hạn	1796020506	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 09/12/2021	1.000.000	060341976	8702205178141 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
9	Nguyễn Văn Long	Phó Trưởng phòng KHKD&TCKT Cơ quan Chi nhánh	Không xác định thời hạn	1796020395	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 09/12/2021	1.000.000	060453590	8702205177943 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
10	Lê Quang Đạo	Lái xe Cơ quan Chi nhánh	Không xác định thời hạn	1796020399	Từ ngày 25/11/2021 đến ngày 09/12/2021	1.000.000	060590405	8702205178112 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
11	Bùi Ngọc Linh	Gác ghi ga Cổ Phúc	Không xác định thời hạn	2514010776	Từ ngày 29/11/2021 đến ngày 15/12/2021	1.000.000	060910859	8702215007621 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái
12	Nguyễn Trung Kiên	Trực ban ga Cổ Phúc	Không xác định thời hạn	1513000295	Từ ngày 29/11/2021 đến ngày 13/12/2021	1.000.000	015094001488	8702215010400 tại Agribank Chi nhánh Bắc Yên Bái